TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **327**/2020/DS-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Chị Lê Thị Ngọc Ánh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLST - DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng S

Trụ sở: 266-268 N, phường X, quận Y, TP. M

Đại diện theo pháp luật: Bà D – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông G – Giám đốc chi nhánh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Q – Trưởng phòng giao dịch G

2. *Bị đơn:* Chị D, sinh năm 1980; Địa chỉ: 23/1 ấp A, xã L, huyện G, Tiền Giang

Chị Quyên có mặt, chị D vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Ngân hàng S và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Q là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD1533800546 ký ngày 04/12/2015 giữa Ngân hàng S - Chi Nhánh Tiền Giang với Chị D, theo đó Ngân Hàng cho Chị D vay số tiền 100.000.000 đồng như sau:

- Ngày vay : 04/12/2015

- Thời hạn vay: 48 tháng

- Phương thức trả nợ: Vốn lãi trả góp đều hàng tháng

- Ngày đáo hạn: 04/12/2019

- Lãi suất: 0,7%/tháng

- Mục đích: Tiêu dùng

Tài sản đảm bảo: Khách hàng vay tín chấp nên không có tài sản đảm bảo.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 04/12/2015, Chị D đã thanh toán vốn lãi theo Hợp đồng đến kỳ vốn lãi ngày 28/11/2017, từ khi phát sinh quá hạn đến ngày 28/05/2019, Chị D tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng được 11.245.963 đồng, kể từ đó đến nay, Chị D ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho Chị D thanh toán nhưng Chị D vẫn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, đến hết ngày 10/02/2020, Chị D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 58.809.000 đồng, tiền lãi là 16.445.963 đồng.

Đến hết ngày 10/02/2020, Chị D còn nợ Ngân hàng S – Chi Nhánh Tiền Giang số tiền vốn là 41.191.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng chẵn), tiền lãi theo hợp đồng là 17.154.037 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm năm mươi bốn nghìn ba mươi bảy đồng chẵn), tiền lãi quá hạn là 5.847.859 đồng (Bằng chữ: Năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi chín đồng chẵn) và tiền lãi chậm trả là 1.916.249 đồng (Bằng chữ: Một triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng chẵn). Như vậy tính đến ngày 10/02/2020, Chị D còn nợ Ngân Hàng tổng cộng số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 66.109.145 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu một trăm lẻ chín nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng chẵn).

Theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì Chị D đã vi phạm các điều khoản cam kết đã ký, nhiều lần không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ măc dù Ngân Hàng đã trao đổi, động viên tạo điều kiện cho Chị D thực hiện việc trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị D phải trả ngay cho Ngân hàng S – Chi Nhánh Tiền Giang với số tiền vốn là 41.191.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 17.154.037 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.847.859 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.916.249 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/02/2020 là 66.109.145 đồng.

Sau ngày 10/02/2020, nếu Chị D chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập chị D đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do cũng

không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản, nên vụ án khchị D hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng yêu cầu chị D trả số tiền nợ vay, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị D trả tiền nợ đã vay với gốc là 41.191.000 đồng và tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là *"Hợp đồng tín dụng"* và *"Giấy nhận nợ"* do Ngân hàng cung cấp có chữ ký của chị D. Có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng và chị D đã xác lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D tuy nhiên chị D không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định chị D còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 41.191.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Xét thấy chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và ý kiến của Kiểm sát viên, buộc chị D trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 41.191.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu chị D trả số tiền lãi trong hạn theo hợp đồng từ ngày vay là 17.154.037 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.206.986 đồng và tiền lãi chậm trả trên tiền lãi trong hạn là 3.846.920 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị D trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Buộc chị D trả cho Ngân hàng S số tiền:

- Vốn là 41.191.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng);

- Lãi trên nợ gốc là: 17.154.037 đồng (Mười bảy triệu một trăm năm mươi bốn nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Lãi trên nợ gốc quá hạn là: 5.847.859 đồng (Năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi chín đồng);

- Lãi chậm trả lại trên nợ gốc là 1.916.249 đồng (Một triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng).

2. Về án phí:

Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.569.947 đồng.

Ngân hàng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.653.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3866 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 04/12/2015.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc